TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** .

Bản án số 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 -3 -2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông; Ông Hồ Quang Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H O, sinh năm 1998 (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Bị đơn: Anh Y Đ, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

HKTT: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Tạm trú tại:Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 26/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án, chị H O trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H O và anh Y Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống và phong cách sống

nên thường xuyên cãi nhau, đôi khi anh Đ còn đánh đập chị H O, vợ chồng đều luôn nghi ngờ nhau, không tin tưởng lẫn nhau. Ngoài ra anh Đ không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm lo cho gia đình. Từ đầu năm 2022 anh chị đã không còn chung sống với nhau, anh Y Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ của anh Y Đ tại bon Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông sinh sống. Nay chị H O không còn tình cảm với anh Đ nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị O yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với anh Y Đ.

- Về con chung: Chị H O và anh Y Đ có 01 con chung H' Kim L, sinh ngày 05/12/2014. Chị H O có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung H' Kim L đến tuổi trưởng thành. Chị H O không yêu cầu anh Y Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị H O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Y Đ, tuy nhiên anh Y Đ đều vắng mặt, không trình bày ý kiến, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải; tại phiên tòa, anh Y Đ vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị H O chấp hành đúng quy định của pháp luật, anh Y Đ không chấp hành các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tuyên xử chị H O được ly hôn anh Y Đ.

Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị O, do không có tài liệu để xác định cháu H'Kim L là con chung giữa chị H O và anh Y Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H O không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị H O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi có dấu hiệu của " Tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo quy định Điều 145 Bộ Luật hình sự và tội " Tổ chức tảo hôn" theo Điều 138 Bộ Luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chuyển tin báo tố giác tội phạm và các tài liệu có liên quan cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ gồm: Bản chính Trích lục kết hôn, bản chính Giấy khai sinh cháu L, bản sao Giấy Căn cước công dân chị O, bản sao sổ hộ khẩu mang tên H O, đây là các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra Tòa án thu thập các tài liệu bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh tại địa phương theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị H O yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Y Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông và tạm trú tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Y Đ vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Y Đ vẫn không có mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Y Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H O và anh Y Đ đăng ký kết hôn ngày 11/8/2017, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H O, sau khi kết hôn vợ chồng chị H O và anh Y Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, lối sống. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Từ đầu năm 2022 Chị H O không còn tình cảm với anh Y Đ nên không còn chung sống với nhau, do đó anh Y Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ của anh Y Đ tại bon Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông sinh sống. Vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẽ những công việc hằng ngày với các thành viên trong gia đình với nhau. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại địa phương: Anh Y Đ không còn sinh sống cùng với chị H O, mâu thuẫn vợ chồng của chị H O và anh Y Đ chính quyền không nắm được có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực

gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị H O và quan điểm của đại diện VKSND huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H O là có cơ sở nên cần chấp nhận.

2.2. Về con chung: Xét yêu cầu của chị H O có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là H'Kim L, sinh ngày 05/12/2014 đến tuổi trưởng thành. Tiến hành lấy lời khai của cháu L thì cháu có nguyện vọng được sống với chị H O. Quá trình giải quyết vụ án chị H O nộp tài liệu chứng cứ là bản chính giấy khai sinh của H' Kim L sinh ngày 05/12/2014 nhưng không ghi rõ họ và tên cha, dân tộc, quốc tịch, nơi thường trú/tạm trú đều không điền vào chỗ trống theo quy định của pháp luật, ngoài ra chị H O không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ khác, đồng thời tại bản sao Bản trích lục kết hôn số 05/TLKH-BS, ngày 16/01/2019 cho thấy chị H O và anh Y Đ kết hôn ngày 11/8/2017 vào sổ số 37. Mặt khác Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Y Đ nhiều lần nhưng anh Đ không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Theo quy định tại điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"1. Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng…Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng…"*, do đó chưa có đủ căn cứ để xác định cháu H'Kim L, sinh ngày 05/12/2014 là con chung của anh Y Đ và chị H O. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung cháu H'Kim L là con của chị H O nên chị có quyền nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chuyển tin báo tố giác tội phạm. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chuyển thông tin đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị H O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H O được ly hôn anh Y Đ.

2. Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H O. Cháu H'Kim L là con của chị H O nên chị có quyền nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H O không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị H O phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003362 ngày 26/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đựơc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Nhi